CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
507 Duy Tân, Phường Đăk Cấm, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
507 Duy Tan, Đak Cam Ward, Quang Ngai Province, Vietnam
Mã số thuế: 6101177237
Tax code: 6101177237

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
FINANCIAL STATEMENTS
QUÝ I NĂM 2026
1th QUARTER, 2026

Bao gồm:
Including:

Báo cáo tình hình tài chính
Statement of Financial Position
Bảng kết quả kinh doanh
Income Statement
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Cash Flow Statement
Thuyết minh Báo cáo tài chính
Notes to Financial Statements

Quảng Ngãi, tháng 04 năm 2026
Quang Ngai, month 04 year 2026

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
Ký ngày: 29/4/2026 08:30:23

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
STATEMENT OF FINANCIAL POSITION
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026
March 31, 2026

CHỈ TIÊU NORMS	Mã số Code	Thuyết minh Note	Tại ngày/As of 31/03/2026	Tại ngày/As of 01/01/2026
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN/SHORT-TERM ASSETS (100=110+120+130+140+150)	**100**		**12.516.955.202**	**17.115.515.298**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền/Cash and cash equivalents	**110**		**1.035.088.345**	**128.377.642**
1. Tiền/Cash	111	V.1	1.035.088.345	128.377.642
II. Các khoản phải thu ngắn hạn/Short-term receivables	**130**		**11.242.031.375**	**16.975.088.058**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng/Short-term receivables from customers	131	V.2	9.889.662.903	15.926.453.700
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn/Short-term advance payments to suppliers	132	V.3	574.224.759	697.287.582
3. Phải thu ngắn hạn khác/Other short-term receivables	135	V.4	1.313.403.713	886.606.776
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*) Provision for doubtful debts hoặc Provision for bad debts	136		(535.000.000)	(535.000.000)
III. Tài sản ngắn hạn khác /Others short-term assets	**160**		**239.835.482**	**12.049.598**
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn/Short-term prepaid expenses hoặc Deferred expenses	161	V7	239.835.482	12.049.598
B. TÀI SẢN DÀI HẠN/LONG-TERM ASSETS (200=210+220+240+250+260)	**200**		**517.173.125.574**	**521.692.136.433**
I. Các khoản phải thu dài hạn/Long-term receivables	**210**		**34.600.000**	**34.600.000**
1. Phải thu dài hạn khác /Other long-term receivables	215	V.4	34.600.000	34.600.000

II. Tài sản cố định /Fixed assets	**220**		**205.345.389.360**	**209.653.643.847**
1. TSCĐ hữu hình/Tangible fixed assets	221	V.5	205.345.389.360	209.653.643.847
- Nguyên giá/Cost	222		475.799.303.118	474.674.732.118
- Giá trị hao mòn lũy kế/Accumulated depreciation (*)	223		(270.453.913.758)	(266.145.659.271)
III. Đầu tư tài chính dài hạn/Long-term financial investment	**260**		**310.871.800.694**	**310.871.800.694**
1. Đầu tư vào công ty con/Investments in subsidiaries	261	V.6	234.220.000.000	234.220.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết/Investments in associates	262	V.6	77.400.000.000	77.400.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn/Provisions for long-term financial investments	264		(748.199.306)	(748.199.306)
IV. Tài sản dài hạn khác/Other long-term assets	**270**		**921.335.520**	**1.132.091.892**
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn/ Long-term deferred costs	271	V.7	921.335.520	1.132.091.892
TỔNG CỘNG TÀI SẢN/TOTAL ASSETS (270=100+200)	**280**		**529.690.080.776**	**538.807.651.731**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026
March 31, 2026
(Tiếp theo)
(Continued)

CHỈ TIÊU NORMS	Mã số Code	Thuyết minh Note	Tại ngày/As of 31/03/2026	Tại ngày/As of 01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ/LIABILITIES				
(300=310+330)	**300**		**215.094.802.309**	**227.234.788.018**
I. Nợ ngắn hạn/Short-term liabilities	**310**		**108.007.422.309**	**113.147.408.018**
1. Phải trả người bán ngắn hạn/Short-term payables to suppliers	311	V.8	3.166.176.445	2.950.065.500
2. Người mua trả tiền trước /Prepayments from buyers	312		80.899.560	80.899.560
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước/Tax and payables to the State	314	V.9	10.258.490.613	10.781.032.527
4. Phải trả người lao động/Payables to employees	315		874.302.866	1.284.618.209
5. Chi phí phải trả ngắn hạn/Short-term payable expenses	316	V.8	5.829.563.289	3.924.990.686
6. Phải trả ngắn hạn khác /Other short-term payables	320	V.10	4.362.688.000	1.688.000.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn /Short-term loans and financial lease debts	321	V.11	83.400.000.000	92.400.000.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi/Bonus and welfare fund	323		37.801.536	37.801.536
II. Nợ dài hạn/Long-term liabilities	**330**		**107.087.380.000**	**114.087.380.000**
1. Phải trả dài hạn khác/Other long-term payables	338	V.10	87.487.380.000	94.487.380.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn/Long-term loans and financial leases	339	V.11	19.600.000.000	19.600.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU/OWNER'S EQUITY (400=410+420)	**400**		**314.595.278.467**	**311.572.863.713**

I. Vốn chủ sở hữu/Owner's equity	**410**		**314.595.278.467**	**311.572.863.713**
1. Vốn góp chủ sở hữu/Owner's contributed capital	411	V.13	284.904.000.000	284.904.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết/Ordinary shares with voting rights	411A		284.904.000.000	284.904.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển/Development investment fund	418		32.187.286	32.187.286
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/Undistributed profit after tax	420		29.659.091.181	26.636.676.427
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước /Accumulated undistributed profit after tax until the endof previous period	420A		26.636.676.427	(32.991.137.157)
- LNST chưa phân phối kỳ này/Undistributed profit after tax of current period	420B		3.022.414.754	59.627.813.584
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN TOTAL (440=300+400)	**440**		**529.690.080.776**	**538.807.651.731**

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )
Note: Norms with negative data are recorded in parentheses ( )

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 04 năm 2026
Quang Ngai, date 28 month 04 year 2026

Người lập biểu Prepared by	Kế toán trưởng Chief Accountant	Người đại diện theo Pháp luật Legal Representative
Đoàn Thị Ngọc Thu Doan Thi Ngoc Thu	Trần Văn Giang	TỔNG GIÁM ĐỐC Đinh Xuân Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
M.S.D.N: 6101177237 - C.T.C.P
TP. KON TUM - T. KON TUM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
INCOME STATEMENT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026
For the accounting period ended March 31, 2026

CHỈ TIÊU NORMS	Mã số Code	TM Note	Năm 2026 Quý I năm 2026 1th quarter 2026	Năm 2026 Lũy kế đến/Accumulated to 31/03/2026	Năm 2025 Quý I năm 2025 1th quarter 2025	Năm 2025 Lũy kế đến/Accumulated to 31/03/2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/Revenue from sale of goods and services rendered	**01**	VI.1	**15.390.798.105**	**15.390.798.105**	**15.559.342.365**	**15.559.342.365**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/Revenue deductions	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/Net revenue from sale of goods and services rendered (10=01- 02)	**10**		**15.390.798.105**	**15.390.798.105**	**15.559.342.365**	**15.559.342.365**
4. Giá vốn hàng bán/Cost of goods sold	11	VI.2	6.288.382.716	6.288.382.716	6.456.967.742	6.456.967.742
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp/Gross profit from sales of goods and services rendered (20=10-11)	**20**		**9.102.415.389**	**9.102.415.389**	**9.102.374.623**	**9.102.374.623**
7. Doanh thu hoạt động tài chính/Revenue from financial activities	22		949.916	949.916	**8.988.672**	**8.988.672**
Chi phí tài chính/Financial expenses	23	VI.4	2.682.097.149	2.682.097.149	7.765.345.205	7.765.345.205
- Trong đó: Chi phí lãi vay *- In which: Interest expenses*	*24*		2.682.097.149	2.682.097.149	7.765.345.205	7.765.345.205
8. Chi phí bán hàng/Sale expenses	25					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp/General and administrative expenses	26	VI.5	2.575.848.092	2.575.848.092	1.071.617.482	1.071.617.482
10. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết/ **Share of profit or loss of associates and joint ventures**	27		0	0	0	0
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh /Net profit from operating activities (30=20+(21-22)-(25+26))	**30**		**3.845.420.064**	**3.845.420.064**	**274.400.608**	**274.400.608**
12. Thu nhập khác/Other incomes	31		889	889	0	0
13. Chi phí khác/Other expenses	32		31.122.008	31.122.008	63.459.453	63.459.453
14. Lợi nhuận khác/Other profits (40=31-32)	**40**		**(31.121.119)**	**(31.121.119)**	**(63.459.453)**	**(63.459.453)**

15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/Total accounting profit before tax (50=30+40)	**50**		**3.814.298.945**	**3.814.298.945**	**210.941.155**	**210.941.155**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành/Current corporate income tax expense	51	VI.6	791.884.191	791.884.191	36.150.694	36.150.694
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp /Profit after corporate income tax (60=50-51-52)	**60**		**3.022.414.754**	**3.022.414.754**	**174.790.461**	**174.790.461**

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 04 năm 2026
Quang Ngai, date 28 month 04 year 2026

Người lập biểu Prepared by	Kế toán trưởng Chief Accountant	Người đại diện theo Pháp luật Legal Representative
Đoàn Thị Ngọc Thu Doan Thi Ngoc Thu	Trần Văn Giang	TỔNG GIÁM ĐỐC Đinh Xuân Hoàng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
CASH FLOW STATEMENT
(Indirect method)
Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026
From 01/01/2026 to 31/03/2026

CHỈ TIÊU NORMS	Mã số Code	Từ/From 01/01/2026 đến/to 31/03/2026	Từ/From 01/01/2025 đến/to 31/03/2025
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh/Cash flow from business activities			
1. Lợi nhuận trước thuế/Profit before tax	***01***	**3.814.298.945**	**210.941.155**
2. Điều chỉnh cho các khoản/Adjustments for items			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT/Depreciation of fixed assets and investment real estate	02	4.308.254.487	4.236.958.572
- Dự phòng tài chính dài hạn/Provisions for long-term financial investments	03	-	0
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư /Gains and losses from investment activities	05	(949.916)	(8.988.672)
- Chi phí lãi vay /Interest expenses	06	2.682.097.149	7.765.345.205
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ/Operating profit before changes in working capital	***08***	**10.803.700.665**	**12.204.256.260**
- Tăng, giảm các khoản phải thu/Increase, decrease in receivables	09	6.508.332.254	2.394.067.870
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)/Increase, decrease in payables (excluding payable loan interest and enterprise income tax)	11	(6.611.718.074)	(7.607.698.261)
- Tăng, giảm chi phí trả trước/Increase or decrease in upfront cost	12	(17.029.512)	(472.929.262)
- Tiền lãi vay đã trả/Paid loan interest	14	(777.524.546)	(1.272.254.795)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp/Corporate income tax paid	15	0	0
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh/Other income from operating activities	16	0	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh/Other payments on operating activities	17	0	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh/Net cash flow from business activities	***20***	**9.805.760.787**	**5.245.441.812**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư/Cash flow from investment activities			
1.Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác/Payments for purchase and construction of fixed assets and other long-term assets	21		
3.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác/Expenditures on loans and purchase of debt instruments from other entities	25	0	0
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác/Proceeds from lending or repurchase of debt instruments from other entities		0	3.500.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia/Receipts of loans given, dividends and profit shared	27	949.916	8.988.672

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư/Net cash flow from investment activities	***30***	**949.916**	**3.508.988.672**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính/Cash flows from financing activities			
1. Tiền thu từ đi vay/Cash received from borrowings	33	0	0
2. Tiền chi trả nợ gốc vay/Principal debts payment	34	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu/Cash payments of dividends or profits to owners	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính/Net cash flow from financial activities	***40***	**(9.000.000.000)**	**(9.000.000.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ/Net cash flow during the period (50=20+30+40)	***50***	**906.710.703**	**(245.569.516)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ/Cash and cash equivalents at the beginning of period	**60**	**128.377.642**	**8.406.771.745**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ/Cash and cash equivalents at the end of period (70=50+60+61)	**70**	**1.035.088.345**	**8.161.202.229**

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 04 năm 2026
Quang Ngai, date 28 month 04 year 2026

Người lập biểu **Prepared by**	**Kế toán trưởng** **Chief Accountant**	**Người đại diện theo Pháp luật** **Legal Representative**
Đoàn Thị Ngọc Thu **Doan Thi Ngoc Thu**	Trần Văn Giang	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH TỔNG GIÁM ĐỐC Đinh Xuân Hoàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT
GENERAL INFORMATION

1. Hình thức sở hữu vốn./Form of capital ownership.

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne) là doanh nghiệp được tách từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu ngày 21/5/2014 với mã số doanh nghiệp 6101177237, đăng ký thay đổi lần thứ mười một(11) ngày 08/08/2025.

Truong Thinh Energy Investment Joint Stock Company (former name: Dak Ne Hydropower Joint Stock Company) is an enterprise separated from Tan Phat Joint Stock Company, the Company was granted Business Registration Certificate by the Department of Planning and Investment of Kon Tum Province for the first time on May 21, 2014 with the business code 6101177237, and registered for the 11th change dated August 08th, 2025.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY;

Company's name in foreign language: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY;

Tên viết tắt là: TTE.

Abbreviated name: TTE.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ chín ngày 20/05/2022 là 284.904.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ, chín trăm linh bốn triệu đồng).

The Company's charter capital according to the Business Registration Certificate of Joint Stock Company changed for the ninth time on May 20, 2022 is 284,904,000,000 VND (Two hundred and eighty-four billion, nine hundred and four million dong).

Trụ sở chính của Công ty: 507 Duy Tân , phường Đăk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Head office of the Company: 507 Duy Tan, Dak Cam Ward, Kon Tum City, Kon Tum Province, Vietnam.

Điện thoại: (0236) 710.9886
Phone: (0236) 710.9886
E-mail: info@dientruongthinh.vn
Website: www.dientruongthinh.vn

Người đại diện theo pháp luật: Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

Legal representative: The General Director is the legal representative of the Company.

Tổng số nhân viên Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2026 là 47 người

The total number of employees of the Company as of March 31, 2026 is 47 people

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

Công ty đang quản lý và vận hành 02(hai) nhà máy:

The company is managing and operating 02 (two) factories:

Nhà máy thủy điện ĐakNe theo Giấy chứng nhận đầu tư sô: 38121000013 do UBND tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 29/04/2008, điều chỉnh lần thứ 05 ngày 10/12/2021, quy mô nhà máy 8.1 MW;

Dak Ne Hydropower Plant, according to the Investment Certificate No. 38121000013 issued by the People's Committee of Kon Tum Province for the first time on April 29, 2008, registered for the 5th change on December 10, 2021, with the capacity scale of 8.1 MW;

Nhà máy thủy điện Tà Vi theo Giấy chứng nhận đầu tư số: 21/CN-UBND do UBND tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 11/05/2009, điều chỉnh lần thứ 5 ngày 31/12/2019 với mã số dự án 5200631540, quy mô công suất 3MW.

Ta Vi Hydropower Plant, according to the Investment Certificate No. 21/CN-UBND issued by the People's Committee of Quang Nam Province for the first time on May 11, 2009, registered for the 5th time on December 31, 2019 with project code 5200631540, and the capacity scale of 3 MW.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Main business lines and activities

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ;

The Company's business lines are: Production, transmission and distribution of electricity; Construction of other civil engineering works; Exploitation of stone, sand, gravel, clay; Production of concrete and cement and gypsum products; Transport of goods by road; Construction of railway and road works;

Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước, viễn thông).

Wholesale of agricultural and forestry raw materials (except for wood, bamboo, cork) and live animals, Wholesale of solid, liquid, gas fuels and related products; Wholesale of metals and metal ores; Wholesale of other materials and installation equipment in construction; Other specialized construction activities (irrigation, electricity, water supply and drainage, telecommunications).

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Normal production and business cycle

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

The normal production and business cycle of the Company is carried out for a period of 12 months.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng.

Nature of business activities in the accounting period that affects the financial statements.

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm nào đáng kể có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường.

During the accounting period, the Company have no significant operations that affect the Financial Statements. The Company's operations are normal.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

The Company's structure

Tại ngày 31/03/2026, Công ty có các công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

As at March 31, 2026, the Company has the following subsidiaries and affiliated units:

Đơn vị Unit	Địa chỉ Address	Hoạt động chính Main activity	Tỷ lệ sở hữu/Quyền biểu quyết Ownership ratio/ Voting rights
a) Công ty con/Subsidiaries			
Công ty TNHH Trung Việt Trung Viet Company Limited	507 Duy Tân phường Đăk Cấm , Tỉnh Quảng Ngãi 507 Duy Tan, Dak Cam Ward, , Quang Ngai Province	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Production, transmission and distribution of electricity	98%
b) Đơn vị trực thuộc **Affiliated units**			
Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Quảng Nam Branch of Truong Thinh Energy Investment Joint Stock Company in Quang Nam	Thôn 2, Xã Trà Tân, TP Đà Nẵng Village 2, Tra Tan District, Da NangCity	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Production, transmission and distribution of electricity	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

Văn phòng Đại diện Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại TP Đà Nẵng Representative Office of Truong Thinh Energy Investment Joint Stock Company in Da Nang City	Tầng 4, Tòa nhà Ricco, 363 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng 4th Floor, Ricco Building, 363 Nguyen Huu Tho, Cam Le Ward, Da Nang City		100%
c) Công ty liên kết **Associates**			
Công ty Cổ Phần Thủy Điện Đá Đen Da Den Hydropower Joint Stock Company	Số 54 Nguyễn Bỉnh Khiêm, Phường Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam No. 54, Tuy Hoa Ward, Phu Yen Province	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Production, transmission and distribution of electricity	43%

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN
BASIS TO PREPARE THE FINANCIAL STATEMENTS

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính
Basis to prepare the Financial Statements

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp.

The accompanying financial statements are presented in Vietnamese Dong (VND), according to the original cost principle and in accordance with Vietnamese accounting standards and the corporate accounting regime.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

The accompanying financial statements are not intended to reflect the financial situation, business results and cash flow situation in accordance with generally accepted accounting principles and practices in countries other than Vietnam.

2. Kỳ kế toán
Accounting period

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính Quý I năm 2026 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2026.

Each fiscal year of the Company shall begin on January 01 and end on March 31. The financial statements for the 1th quarter of 2026 are prepared for the accounting period beginning on July 1 and ending on March 31, 2026.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

ACCOUNTING SYSTEM AND ACCOUNTING POLICIES

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số: 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp

The Company applies the Enterprise Accounting Regime issued in accordance with Circular No. 99/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Ministry of Finance guiding the Enterprise Accounting Regime.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

APPLICABLE ACCOUNTING POLICIES

1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Principles of accounting cash and cash equivalents

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Cash and cash equivalents include cash on hand, bank deposits, short-term investments with maturity of no more than 3 months, highly liquid, easily convertible to known amounts of cash and subject to an insignificant risk of conversion into cash.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

Amounts of money deposited by other businesses and individuals at the Company that are managed and accounted for as the Company's money.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

When transactions in foreign currencies arise, they shall be converted into Vietnamese Dong on the principle that the Debtor shall apply the actual transaction rates; the Creditor shall apply the weighted average book rate.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 1 năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo Quy định Pháp luật, số dư ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, là tỷ giá mua ngoại tệ ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

At the time of preparing the financial statements in accordance with the provisions of the law, the foreign currency balance is revalued at the actual transaction rate, which is the purchase rate of foreign currency of the commercial bank where the Company regularly has transactions at the time of preparing the financial statements.

2. Nguyên tắc các khoản đầu tư tài chính

Principles of accounting financial investments

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ;

Include term bank deposits and loans held to maturity for the purpose of collecting interest on a periodic basis;

Đối khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi thoe quy định Pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiền hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi khoản đầu tư;

For investments held to maturity, if the provision for doubtful receivables has not been made in accordance with the law, the accountant shall assess the possibility of recovery. If there is solid evidence that part or all of the investment may not be recoverable, the accountant shall record the amount of loss in the financial expense for the period. If the amount of loss cannot be determined reliably, the accountant shall provide notes in the financial statements on the ability to recover the investment;

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Loans under the agreement between the parties but not traded on the market as securities. Depending on the contract, the loan under the contract can be recovered once at maturity or recovered periodically.

Đối các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi các khoản cho vay;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

For loans, if the provision for bad debts has not been made in accordance with the law, the accountant shall assess the recoverability. If there is solid evidence that part or all of the loan is recoverable, the accountant shall record the loss in financial expenses in the period. If the amount of loss cannot be determined reliably, the accountant shall provide notes in the financial statements on the ability to recover loans;

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết: Các khoản đầu tư vào Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ.

Investments in subsidiaries and affiliates: Investments in subsidiaries in which the Company holds control are presented according to the historical cost method. The distributions of profits received by the parent company from the accumulated profits of the subsidiaries after the date the parent company takes control are recorded in the business income in the period of the parent company.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Investments in associates in which the company has significant influence are presented under the historical cost method.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được giá trị đầu tư.

Distributions of profits from the accumulated net profits of associates after the investment date are allocated to business results in the period of the Company. Other distributions are considered as the recovery of investments and are worth the investment.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm.Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính riêng tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

Provision for impairment of investments is made at the end of the year. The level of provision is determined based on the separate financial statements at the time of provisioning of the economic organization.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Investments in capital instruments of other entities: Investments in capital instruments of other entities are presented according to the historical cost method.

3. Nguyên tắc kế toán khoản phải thu
Principles of accounting receivables

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán, như phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua(là đơn vị độc lập với người bán, gồm các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).Khoản phải thu này gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

Receivables from customers include trade receivables arising from transactions of a purchase-sale nature, such as receivables from sales, provision of services, liquidation, transfer of assets (fixed assets, financial investments) between the Company and the buyer (which is independent of the seller, including receivables between the parent company and subsidiaries, joint ventures, associates). This receivable includes receivables from export sales of the consignor through the consignee;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan giao dịch mua bán như;

Other receivables include receivables that are not of a commercial nature, not related to sales and purchase transactions such as;

Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;

Receivables that generate revenue from financial activities, such as receivables from loan interest, deposits, dividends and distributed profits;

Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên ủy thác.

Payments on behalf of third parties that are entitled to be recovered; Payments by the export trustee that must be collected on behalf of the trustee.

Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý…

Non-commercial receivables such as property loans, receivables on fines, compensation, pending assets...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu.

When preparing the financial statements, the accountant will base on the remaining term of the receivables to classify them as long-term or short-term. The receivables norms of the Balance Sheet may include items reflected in other accounts besides receivables.

4. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao
Tangible fixed assets and depreciation

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tangible fixed assets are presented at cost less accumulated depreciation.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

The initial cost of tangible fixed assets comprises the purchase price and any other costs directly attributable to bringing the asset to working condition for its intended use.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

The cost of tangible fixed assets due to self-made and self-built includes construction costs, actual production costs incurred plus installation and commissioning costs.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tangible fixed assets and intangible fixed assets are depreciated on a straight-line basis over their estimated useful lives.

Số năm khấu hao Years of depreciation	
Nhà cửa vật kiến trúc	05-50
Buildings and structures	05-50
Máy móc thiết bị	03-20
Machinery and equipment	03-20
Phương tiện, vận tải truyền dẫn	06-30
Means of transport and transmission	06-30
Thiết bị dụng cụ quản lý	03-08
Management equipment and tools	03-08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Gains and losses arising from the liquidation or sale of assets are the difference between the income from the liquidation and the residual value of the assets and are recorded in the income statement.

5. Các khoản trả trước

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

Prepayments

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và chi phí phân bổ khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian.

Prepaid expenses include actual expenses incurred but related to the results of production and business activities of many accounting periods. Prepaid expenses include the cost of tools and equipment used and other allocated expenses. These expenses are capitalized in the form of prepayments and allocated to the Income Statement, using a straight-line method over time.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Principles of accounting liabilities

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Liabilities are amounts that may be payable to suppliers or other entities. Liabilities are presented at book value.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại các khoản phải trả để phân loại dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

When preparing financial statements, accountants will base on the remaining term of payables to classify them as long-term or short-term. When there is evidence that a loss is likely to occur, accountants will immediately record a payable according to the principle of prudence.

7. Nguyên tăc khi nhận các khoản vay và nợ thuê tài chính

Principles of accounting loans and financial lease liabilities

Các khoản vay có thời hạn nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn để có kế hoạch trả nợ.

For loans with a term of more than 12 months from the date of the Financial Statement, accountants will present them as long-term loans and financial lease liabilities. For loans due within the next 12 months from the date of the Financial Statement, accountants will present them as short-term loans and financial lease liabilities to have a debt repayment plan.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn, ... được hạch toán chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

The borrowing costs directly related to the loan (in addition to the interest payable), the cost of appraisal, audit, preparation of loan documents, etc. are accounted for financial costs. In case these costs arise from a separate loan for the purpose of investment, construction or production of unfinished assets, they shall be capitalized.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Principles of accountingpayable expenses

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo;

Payables for goods and services received from sellers or provided to buyers during the reporting period but not actually paid due to lack of invoices or insufficient accounting records and documents, are recorded in production and business expenses of the reporting period;

Hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ;

Accounting of expenses payable to production and business expenses in the period must comply with the principle of matching between revenue and expenses incurred in the period;

Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh.Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí phát sinh sẽ được hoàn nhập.

The payable expenses will be settled with the actual expenses incurred. The difference between the accrued expenses and the incurred expenses will be reversed.

9. Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Owner's equity

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

The investment capital of the owner is reflected as the actual contributed charter capital of the shareholders.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

The distribution of profits of the Company shall comply with the Resolution of the General Meeting of Shareholders, the provisions of the Financial Management Regulations of the Company.

10. Ghi nhận doanh thu

Revenue recognition

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ; được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

The revenue from service provision is recognized when the outcome of that transaction is determined reliably. If the provision of services is related to several periods, the revenue is recognized in the period in accordance with the results of the work completed on the date of the balance sheet of that period. The result of a service provision transaction is determined when all four (4) of the following conditions are satisfied:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- The revenue is determined relatively well;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- It is possible to obtain economic benefits from the service provision transaction;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- The completed work can be determined on the date of the balance sheet;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Determine the costs incurred for the transaction and the cost to complete the transaction to provide that service.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

The interest on deposits is recognised on an accrual basis, which is determined on the balances of the deposit accounts and the applicable interest rate.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận thỏa mãn đồng thời (2) điều kiện sau;

The revenue arising from interest, royalties, dividends, divided profits and other financial activities revenues is recognized when simultaneously satisfying the following two (2) conditions:

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

It is possible to obtain economic benefits from the service provision transaction;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

The revenue is determined relatively well;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Dividends and distributed profits are recognized when the Company has the right to receive dividends or to receive profits from the capital contribution.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

Thu nhập khác: Phản ánh khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh bao gồm:

Other income: Reflects income other than production and business activities including:

- Thu nhập nhượng bán, thanh lý tài sản cố định;
- Expenses for sale and liquidation of fixed assets;
- Thu nhập nghiệp vụ mua và bán lại tài sản;
- Income from purchase and resale of assets;
- Các khoản thuế phải nộp
- Payable taxes.

11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Principles of accounting cost of goods sold

Giá vốn sản phẩm điện bao gồm: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung, và các chi phí khác được ghi nhận phù hợp doanh thu thực hiện trong kỳ.

Cost of electricity products includes: Depreciation costs, repair costs, labor costs, general production costs, and other costs recognized in accordance with the revenue realized in the period.

Đối với chi phí nguyên vật liệu tiêu hao vượt định mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay giá vốn hàng bán (sau khi trừ chi phí bồi thường nếu có) kể cả sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định tiêu thụ.

For the cost of consumable materials exceeding normal norms, labor costs, fixed general production costs not allocated to the value of products in warehousing, the accountant shall immediately calculate the cost of goods sold (after deducting compensation costs if any) including products and goods that have not been determined for consumption.

Các khoản thuế nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

The import, special consumption and environmental protection taxes have calculated the value of purchased goods, if upon export and sale of goods, such taxes are refunded, they shall be recorded as a decrease in the cost of goods sold.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

Cost of goods sold expenses are not considered as expenses for calculating corporate income tax in accordance with the tax law but have full invoices and vouchers and have been properly accounted for in accordance with the Accounting Regime. The Company does not record a decrease in accounting expenses but only adjusts in the final settlement of corporate income tax to increase the amount of corporate income tax payable.

12. Nguyên tắc chi phí tài chính
Principles of accounting financial costs

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bo gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho và chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh, khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Reflecting the costs of financial activities, including expenses or losses related to financial investment activities, capital and borrowing costs, costs of joint ventures, associates, losses on short-term securities transfer, costs of securities sale transactions; Provision for devaluation of trading securities, provision for other investment losses, losses incurred, when selling foreign currencies, loss of exchange rates.

Các khoản chi phí tài chính không coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ được hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng thuế TNDN phải nộp.

Financial expenses are not considered as expenses for calculating corporate income tax in accordance with the Tax Law but there are full invoices and vouchers properly accounted for in accordance with the Accounting Regime. The Company does not record a decrease in accounting expenses but only adjusts in the finalization of corporate income tax to increase payable corporate income tax.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.
Principles of accountingsales and administrative expenses

Các chi phí ghi nhận chi phí bán hàng bo gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trogn quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm,…

The sales expenses include: The actual costs incurred in the process of selling products, goods, providing services, including the cost of offering goods, introducing products,etc.

Các khoản chi phí ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí tiền lương bộ phận quản lý doanh nghiệp, khoản trích theo lương, nguyên vật liệu quản lý, khấu hao tài sản quản lý khoản trich lập dự phòng, phí môn bài, chi phí dịch vụ mua ngoài(điện, nước, văn phòng phẩm, …) chi phí bằng tiền khác(tiếp khách, hội nghị…)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

Expenses recognized for business management expenses: Salary expenses of the business management department, salary deduction, management materials, depreciation of assets under management for provisioning, license fees, costs of external services (electricity, water, stationery,...) other monetary expenses (reception, conferences...)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Principles and method of accounting current corporate income tax expense

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Current corporate income tax expense: is the amount of corporate income tax payable on taxable income in the year and the current corporate income tax rate.

Thu nhập chịu thuế của Công ty là thu nhập từ hoạt động kinh doanh của nhà máy thủy điện Đak ne và nhà máy thủy điện Tà vi. Do Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh được tách ra từ Công ty Cổ phần Tấn Phát và nhà máy thủy điện Đăk ne sau đó bàn giao lại cho Công ty thủy điện Đakne vận hành. Theo Quy định tại khoản 3 điều 20, Nghị định số; 118/2013/NĐ/CP quy định kế thừa các ưu đãi thì thu nhập từ nhà máy thủy điện Đăk Ne được kế thừa toàn bộ ưu đãi thuế TNDN còn lại của Công ty cổ phần Tấn Phát cụ thể:

Taxable income of the Company is income from business activities of Dak Ne hydropower plant and Ta vi hydropower plant. Truong Thinh Energy Investment Joint Stock Company was separated from Tan Phat Joint Stock Company and Dak Ne hydropower plant and then handed over to Dak Ne Hydropower Company for operation. According to the provisions of Clause 3, Article 20, Decree No. 118/2013/ND-CP stipulating the inheritance of incentives, the income from Dak Ne hydropower plant is inherited all the remaining CIT incentives of Tan Phat Joint Stock Company, specifically:

- Áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 11 năm kể từ năm 2014;
- Apply a preferential tax rate of 10% within 11 years from 2014;
- Giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2014;
- 50% reduction of tax payable in the next 9 years from 2014;
- Năm 2024 là năm thứ 11 Công ty được áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp đối với hoạt động nhà máy ĐakNe.
- 2024 is the 11th year the Company is entitled to a corporate income tax rate of 10% and a 50% reduction in the payable corporate income tax for Dak Ne Plant activities.
- Công ty áp dụng mức thuế suất TNDN là 20% với thu nhập từ hoạt động khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

- The Company applies a corporate income tax rate of 20% with income from other activities.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác
Other accounting principles and methods

Các bên liên quan: Các doanh nghiệp, cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể với Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết với các cá nhân này cũng được coi các bên liên quan.

Related parties: Enterprises directly or indirectly through one or more intermediaries who control the Company or are under the control of the Company, or jointly control with the Company, including parent companies, subsidiaries and associates; Affiliates, individuals who directly or indirectly hold voting rights of the Company that have significant influence over the Company, close family members of these individuals or parties associated with these individuals are also considered related parties.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

In considering each relationship of the parties involved, attention should be paid to the nature of the relationship, not just the legal form of those relationships.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS IN THE BALANCE SHEET

1. TIỀN VÀ CÁC TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

ĐVT; Đồng

CASH AND CASH EQUIVALENTS

Unit: VND

	31/03/2026	01/01/2026
Tiền mặt Cash	35.941.219	17.812.734

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

Tiền gửi ngân hàng Bank deposits	999.147.126	110.564.908
Cộng **Sum**	**1.035.088.345**	**128.377.642**

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG
RECEIVABLES FROM CUSTOMERS

	31/03/2026	01/01/2026
Tổng công ty Điện Lực Miền Trung (*) Central Power Corporation (EVNCPC) (*)	9.889.662.903	15.926.453.700
Cộng **Sum**	**9.889.662.903**	**15.926.453.700**

(*) Tiền điện đã xuất hóa đơn còn phải thu của Tổng Công ty điện lực Miền Trung.
(*) Electricity bill issued and receivable from the Central Power Corporation.

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN
PREPAYMENTS TO SUPPLIERS

	31/03/2026	01/01/2026
CT TNHH TM &DV Kỹ thuật TDVN TDVN Trading And Technical Services Company Limited	0	0
Công Ty TNHH tư vấn xây dựng 78 78 Construction Consulting Company Limited	535.260.000	535.260.000
Trả trước cho người bán khác (*)	38.964.759	162.027.582

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

Prepayments to suppliers (*)

Cộng **Sum**	**574.224.759**	**697.287.582**

(*) Giá trị trả trước cho người bán khác là giá trị tạm ứng cho các đối tác, nhà cung cấp thực hiện việc sửa chữa, thay thế thiết bị nhà máy Đakne, nhà máy Tà Vi nhưng đến ngày 31/03/2026 chưa thanh quyết toán.

(*) The prepayment value to other sellers is the advance value for partners and suppliers to repair and replace equipment at Dak Ne Plant and Ta Vi Plant, but as of March 31, 2026, they have not yet paid.

4. PHẢI THU KHÁC
OTHER RECEIVABLES

	31/12/2025	01/01/2025
a) Ngắn hạn **Short-term**	**1.313.403.713**	**886.606.776**
*** Phải thu tạm ứng** *** Receivables from advance debt**	**1.313.403.713**	**886.606.776**
Hồ Thanh Tiến/Ho Thanh Tien	1.108.873.034	637.873.034
Nguyễn Kim MInh/Nguyen Kim Minh	95.329.310	72.329.310
Hoàng Hữu Điền/Hoang Huu Dien	70.785.721	70.785.721
Nguyễn Trọng Khải/Nguyen Trong Khai	0	60.000.000
Tạm ứng khác/Other advances	38.415.648	45.618.711
*** Phải thu ngắn hạn khác** ***Other short-term receivables**	**0**	**0**
b) Phải thu dài hạn khác	**34.600.000**	**34.600.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

Other long-term receivables		
Ký quỹ, Ký cược dài hạn Long-term deposits, mortgages	34.600.000	34.600.000
Tổng cộng (a)+(b) **Total (a) + (b)**	**1.348.003.713**	**930.206.776**

5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH
TANGIBLE FIXED ASSETS

Diễn giải Description	Nhà cửa vật kiến trúc Housing, structures	Máy móc thiết bị Machinery and equipment	Phương tiện vận tải truyền dẫn Means of Transport, transmission	Thiết bị dụng cụ quản lý Managemente quipment and tools	Tổng cộng Total
NGUYÊN GIÁ **Cost**					
Số dư đầu kỳ Opening balance	**370.609.424.760**	**100.496.047.269**	**3.685.550.375**	**1.008.280.714**	**475.799.303.118**
Mua trong năm Increase within the year	-	-	-	-	-
Giảm trong năm Decrease within the year	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ **Ending balance**	**370.609.424.760**	**100.496.047.269**	**3.685.550.375**	**1.008.280.714**	**475.799.303.118**
GIÁ TRỊ HAO MÒNLŨY KẾ					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

ACCUMULATED DEPRECIATION

Số dư đầu kỳ Opening balance	**188.018.822.366**	**73.919.511.673**	**3.525.615.638**	**681.709.594**	**266.145.659.271**
Hao mòn phát sinh Additional depreciation	3.065.009.868	1.174.453.563	32.355.303	36.435.741	4.308.254.487
Số dư cuối kỳ **Ending balance**	**191.083.832.234**	**75.093.965.236**	**3.557.970.953**	**718.145.335**	**270.453.913.758**

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

RESIDUAL VALUE

Tại ngày đầu năm: At the beginning of the year:	**182.590.602.394**	**26.576.535.596**	**159.934.737**	**326.571.120**	**209.653.643.847**
Tại ngày 31/03/2026: **As of 31/03/2026:**	**179.525.592.526**	**25.402.082.033**	**127.579.422**	**290.135.379**	**205.345.389.360**

. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

LONG-TERM FINANCIAL INVESTMENT

	Số cuối kỳ/Ending balance (VND)		Số đầu kỳ/Opening balance (VND)	
	Giá gốc Historical cost	Dự phòng Contingency	Giá gốc Historical cost	Dự phòng Contingency
)ầu tư vào công ty con **nvestments in subsidiaries**	**234.220.000.000**		**234.220.000.000**	
ông ty TNHH Trung Việt (1) rung Viet Co., Ltd (1)	234.220.000.000		234.220.000.000	
)ầu tư vào Cty liên doanh liên kết **nvestments in associated companies** **nd joint ventures**	**77.400.000.000**	**(748.199.306)**	**77.400.000.000**	**(748.199.306)**
ông ty CP Đầu tư thủy điện Đá Đen(2) a Den Hydropower Investment Joint tock Company (2)	77.400.000.000	**(748.199.306)**	77.400.000.000	**(748.199.306)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

Tổng cộng **Total**	**311.620.000.000**	**(748.199.306)**	**450.220.000.000**	**(748.199.306)**

(1) Khoản đầu tư chiếm 98% vốn góp của Công ty TNHH Trung Việt. Công ty TNHH Trung Việt là Công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu số: 6100221010 ngày 22 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp.

The investment accounts for 98% of the capital contribution of Trung Viet Co., Ltd. Trung Viet Co., Ltd is a limited liability company established under the first Enterprise Registration Certificate No.: 6100221010 dated March 22, 2006 issued by the Department of Planning and Investment of Kon Tum Province.

(2) Khoản đầu tư này chiếm 43 % vốn góp của Công ty Cổ Phần thủy điện Đá Đen. Công ty đã thanh toán 100% giá trị chuyển nhượng bằng tiền gửi ngân hàng. Hoạt động sản xuất chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

This investment accounts for 43 % of the contributed capital of DA DEN INVESTMENT HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY. The Company has paid 100% of the transfer value by bank deposit. The Company's main production activities are the production, transmission and distribution of electricity.

* Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này vì các công ty này chưa niêm yết trên thị trường, đồng thời chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam không có hướng dẫn cụ thể về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

* The company has not determined the fair value of this investment because these companies are not listed on the market, and the Vietnamese accounting standards and the Vietnamese corporate accounting regime do not have specific instructions on how to calculate fair value using valuation techniques.

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC
PREPAID EXPENSES

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

	31/03/2026	01/01/2026
a) Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn / short-term deferred costs	**239.835.482**	**12.049.598**
Chi phí thuê văn phòng Office rental	41.938.867	0
Chi phí bảo hiểm nhà máy Plant insurance		
Chi phí ngắn hạn khác Other short-term costs	197.896.615	12.049.598
b) Chi phí chờ phân bổ dài hạn / long-term deferred costs	**921.335.520**	**992.745.752**
Công cụ dụng cụ Tools and supplies	0	0
Chi phí trả trước khác Other prepaid expenses	921.335.520	992.745.752
Cộng (a)+(b) **Sum (a) + (b)**	**1.161.171.002**	**1.004.795.350**

8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN
SHORT-TERM PAYABLES TO SUPPLIERS

Diễn giải Description	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị Value	Số có khả năng trả nợ Amount repayable	Giá trị Value	Số có khả năng trả nợ Amount repayable

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

CT CP chứng khoán quốc gia National Securities Joint Stock Company	2.598.400.000	2.598.400.000	2.598.400.000	2.598.400.000
Đài khí tượng thủy văn tỉnh Kontum Kontum HYDROMETEOROLOGICAL CENTER	306.305.500	306.305.500	306.305.500	306.305.500
Phải trả cho các đối tượng khác Payables to other entities	288.670.945	288.670.945	45.360.000	45.360.000
Cộng **Sum**	**3.193.376.445**	**3.193.376.445**	**2.950.065.500**	**2.950.065.500**

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC
TAXES AND AMOUNTS PAYABLE TO THE STATE BUDGET

	Số đầu kỳ Opening balance	Số phát sinh trong kỳ Total incurred in the period	Lũy kế đến 31/03/2026 Accumulated amount until 31/03/2026	Số đã nộp trong kỳ Amount paid during the period	Lũy kế số đã nộp 31/03/2026 Accumulated amount paid 31/03/2026	Số cuối kỳ Ending balance
Thuế GTGT VAT	2.155.322.347	1.379.967.046	1.379.967.046	1.808.021.246	1.808.021.246	1.727.268.147
Thuế TNDN CIT	4.500.633.852	791.884.191	791.884.191	0	0	5.292.518.043
Thuế TNCN PIT	1.102.658.450	101.735.739	101.735.739	54.789.188	54.789.188	1.149.605.001
Thuế TN Natural resource tax	1.495.869.830	1.384.487.823	1.384.487.823	2.129.306.794	2.129.306.794	751.050.859

Các loại thuế Other taxes	1.526.548.048	452.269.332	452.269.332	640.768.817	640.768.817	1.338.048.563
Phí,nộp khác Others						
Cộng **Sum**	**10.781.032.527**	**4.110.344.131**	**4.110.344.131**	**4.632.886.045**	**4.632.886.045**	**10.258.490.613**

10. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN, DÀI HẠN KHÁC
OTHER SHORT-TERM PAYABLES

	31/03/2026	01/01/2026
a) Chi phí phải trả ngắn hạn	**5.829.563.289**	**3.924.990.686**
Short-term accrued expenses		
Chi phí lãi vay phải trả	3.230.563.289	1.325.990.686
Interest expense payable		
Chi phí phát hành trái phiếu	2.599.000.000	2.599.000.000
Bond insurance expenses		
b) Phải trả ngắn hạn khác	**91.850.068.000**	**96.175.380.000**
Other short-term payables		
Bảo hiểm xã hội	91.392.000	0
Social insurance		
Bảo hiểm y tế	16.128.000	0
Health insurance		
Bảo hiểm thất nghiệp	7.168.000	0
Unemployment insurance		
Ông: Bùi Xuân Huy	0	0
Mr. Bui Xuan Huy		
Bà: Bùi Thị Thanh Huyền	4.248.000.000	1.688.000.000
Ms. Bui Thanh Huyen		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

Ông: Nguyễn Thăng Long	0	94.487.380.000
Phải trả khác	0	0
Other payable		
a) Phải trả dài hạn khác	**87.487.380.000**	**94.487.380.000**
Other long-term payables	87.487.380.000	94.487.380.000
Ông: Nguyễn Thăng Long(*)		
Cộng **Total**	**97.679.631.289**	**100.100.370.686**

(*) Ngày 25/12/2025, Công ty CP đầu tư năng lượng Trường Thịnh ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2025/HDĐT/NTL-TTE với ông: Nguyễn Thăng Long để hợp tác đầu tư các giao dịch đầu tư nhằm mục đích sinh lời, tổng giá trị hợp đồng giá trị 103.000.000.000 đồng(Một trăm lẻ ba tỷ đồng). Thời hạ đầu tư kể từ ngày ký hợp đồng và chấm dứt đầu tư vào thời điểm bên nhân đầu tư thông báo cho bên đầu tư bằng văn bản hợp đồng có thời gian tối thiểu 2 năm.

(*) On December 25, 2025, Truong Thinh Energy Investment Joint Stock Company signed Investment Cooperation Agreement No. 01/2025/HDĐT/NTL-TTE with Mr. Nguyen Thang Long to cooperate in investment transactions for profit-making purposes, with a total contract value of VND 103,000,000,000 (One hundred and three billion Vietnamese Dong). The investment period starts from the date of signing the contract and ends when the investing party notifies the other party in writing. The contract has a minimum duration of 2 years.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH / FINANCIAL LEASE BORROWINGS AND LIABILITIES

ĐVT: VNĐ/ Unit: VND

Diễn giải Interpretation	Số đầu kỳ Opening balance		Số phát sinh trong kỳ Amount arising during the period		Số cuối kỳ Closing balance	
	Giá trị Value	Số có khả năng trả nợ Creditworthy amount	Tăng Increase	Giảm Decrease	Giá trị Value	Số có khả năng trả nợ Creditworthy amount
Nợ dài hạn đến hạn trả **Long-term debt due**	**92.400.000.000**	**92.400.000.000**	**0**	**9.000.000.000**	**83.400.000.000**	**83.400.000.000**
NH NN và PTNN VN Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development	8.500.000.000	8.500.000.000	0	0	8.500.000.000	8.500.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông CN Gia Định Orient Commercial Joint Stock Bank -Gia Dinh Branch	31.600.000.000	31.600.000.000	0	9.000.000.000	22.600.000.000	22.600.000.000
Khoản vay trái phiếu không chuyển đổi (*) Non-convertible bond loan (*)	52.300.000.000	52.300.000.000	0	0	52.300.000.000	52.300.000.000
Vay dài hạn **Long term loan**	**19.600.000.000**	**19.600.000.000**		**0**	**19.600.000.000**	**19.600.000.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

NH NN và PTNN Việt Nam Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development	19,600,000,000	19,600,000,000		0	19,600,000,000	19,600,000,000
Cộng **Total**	**112.000.000.000**	**112.000.000.000**	**0**	**9.000.000.000**	**103.000.000.000**	**103.000.000.000**

Khoản vay của Ngân hàng NN & PTNT Việt nam – Chi nhánh tỉnh Kon Tum là khoản vay dài hạn bằng VNĐ theo Hợp đồng Tín dụng số 01/2016/HĐTD-TV ngày 28/12/2016 với thời hạn cho vay là 144 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, với mục đích sử dụng để thanh toán chi phí mua lại toàn bộ Nhà máy thủy điện Tà Vi theo Hợp đồng chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Tà Vi số 01/2016/HĐCN/NV-ĐN ngày 04/11/2016 giữa Công ty CP Thủy điện Đăk Ne và Công ty TNHH Nước Vin. Khoản vay chịu lãi suấttheo hình thức thả nổi được điều chỉnh tối đa 3 tháng 1 lần.Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

The borrowing of Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Kon Tum Province Branch is a long-term borrowing in VND according to Credit Agreement No. 01/2016/HDTD-TV dated December 28, 2016 with a loan term of 144 months. From the date of signing the contract, the purpose of using it to pay the cost of acquiring the entire Ta Vi Hydropower Plant under Ta Vi Hydropower Plant Transfer Contract No. 01/2016/HDCN/NV-DN dated November 4, 2016 between Dak Ne Hydropower Joint Stock Company and Vin WaterCompany Limited. The borrowing bears a floating interest rate adjusted every 3 months at most. The principal and interest repayment period is 6 months/time from the first disbursement date.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 100% giá trị Công trình Nhà máy thủy điện Tà Vi tại thôn 1 xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

The collateral for the borrowing is 100% of value of Ta Vi Hydropower Plant Project in Village 1, Tra Giac Commune, Bac Tra My District, Quang Nam Province.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Hà Nội là khoản vay dài hạn bằng VNĐ theo Hợp đồng Tín dụng số 031-14/HĐTDH ngày 31/12/2014 với thời hạn vay 144 tháng nhằm mục đích tái tài trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện Đăkne. Khoản vay chịu lãi suất 11,2%/năm. Công ty sử dụng toàn bộ giá trị Nhà máy thủy điện Đăkne để thế chấp cho khoản vay này. Khoản vay này Ngân hàng TMCP Việt Á bán nợ cho Ngân hàng TMCP Phương Đông theo Hợp đồng mua bán nợ số: 01/2023/HĐMBN-OCB-DN ngày 08/06/2023 giữa Ngân hàng TMCP Việt Á và Ngân hàng TMCP Phương Đông.

The borrowing at Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank – Hanoi Branch is a long-term borrowing in VND under Credit Agreement No. 031-14/HDTDH dated December 31, 2014, with a loan term of 144 months for the purpose of refinancing and repairing the Dakne Hydropower Plant. The borrowing bears an interest rate of 11.2% / year. The company uses the entire value of the Dakne Hydropower Plant as collateral for this borrowing. This borrowing was sold by Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank to Orient Commercial Joint Stock Bank under the Debt Purchase Agreement No. 01/2023/HDMBN-OCB-DN dated June 8, 2023, between Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank and Orient Commercial Joint Stock Bank.

Khoản nợ tại Ngân hàng TMCP Phương Đông là khoản nợ mà Ngân hàng TMCP Việt Á bán nợ Ngân hàng TMCP Phương Đông theo thông báo V/v bán toàn bộ khoản nợ của Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh cho Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) giá trị mua bán nợ số tiền: 93.000.000.000 đồng(Chín mươi ba tỷ đồng). Kể từ ngày 08/06/2023, khoản nợ của Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh sẽ thuộc quyền quản lý, sở hữu của Ngân hàng TMCP Phương Đông(OCB).

The debt at Orient Commercial Joint Stock Bank is the debt sold by Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank to Orient Commercial Joint Stock Bank under the notification regarding the sale of the entire debt of Truong Thinh Energy Investment Joint

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

Stock Company to Orient Commercial Joint Stock Bank (OCB) for a debt purchase price of 93,000,000,000 VND (Ninety-three billion VND). From June 8, 2023, the debt of Truong Thinh Energy Investment Joint Stock Company will besubject to the management and ownership of Orient Commercial Joint Stock Bank (OCB).

(*)Khoản vay trái phiếu không chuyển đổi thực hiện theo Nghị Quyết số 21/2021/NQ-HĐQT ngày 25/09/2021về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2021.Báo cáo kết quả chào bán trái phiếu riêng lẻ số 24/2021/BC-TTE ngày 18/12/2021, mã trái phiếu : TTEH2124001, hình thức trái phiếu: bút toán ghi sổ; hình thức phát hành: chào bán riêng lẻ; phương thức phát hành: đại lý phát hành; loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi. không kèm chứng quyền và bảo đảm bằng tài sản; mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu; số liệu trái phiếu phát hành thành công: 2.499 trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu: 36 tháng kể từ ngày phát hành; lãi suất trên danh nghĩa trái phiếu: 11%/năm, kỳ hạn trả lãi là 6 tháng; mục đích phát hành: bổ sung cho nguồn vốn hoạt động đầu tư. Ngày 21/10/2024 Công ty gia hạn thêm 24 tháng số lượng trái phiếu 2.476 trái phiếu ngày đáo hạn lô trái phiếu ngày 19/10/2026. Số lượng 23 trái phiếu đã đươc thanh toán ngày đáo hạn trái phiếu ngày 21/10/2024.

(*) The non-convertible bond issuance was executed under Resolution No. 21/2021/NQ-HDQT dated September 25, 2021, approving the private bond issuance plan for 2021. The private bond issuance report No. 24/2021/BC-TTE dated December 18, 2021, bond code: TTEH2124001, bond form: book-entry; issuance form: private placement; issuance method: through an issuance agent; bond type: non-convertible bonds, without warrants, and secured by assets; bond face value: 100,000,000 VND / bond; number of successfully issued bonds: 2,499 bonds; bond term: 36 months from the issuance date; nominal bond interest rate: 11% per annum, with an interest payment term of 6 months; issuance purpose: to supplement investment capital. On October 21, 2024, the company

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

extended the maturity date of 2,476 bonds by an additional 24 months, with the new bond maturity date being October 19, 2026. A total of 23 bonds were redeemed, with the maturity date for those bonds being October 21, 2024.

12. NỢ THUÊ TÀI CHÍNH/ FINANCIAL LEASE LIABILITIES

Diễn giải Interpretation	Số cuối kỳ Closing balance		Số trong kỳ		Số đầu kỳ Opening balance	
	Giá trị Value	Số có khả năng trả nợ Creditworthy amount	Tăng Increase	Giảm Decrease	Giá trị Value	Số có khả năng trả nợ Creditworthy amount
Nợ thuê tài chính của công ty **Financial lease liabilities of the Company**	-	-	-	-	-	-
Tổng **Total**	-	-	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU/ EQUITY

Thông tin về vốn chủ sở hữu/ Information on equity

	31/12/2025	01/01/2025
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Owner's investment capital		
Vốn góp tại đầu năm	**284,904,000,000**	**284,904,000,000**
Contributed capital at the beginning of the year		
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Contributed capital increase during the year		
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Contributed capital decrease during the year		
Vốn góp tại cuối năm	**284,904,000,000**	**284,904,000,000**
Contributed capital at the end of the year		

Tình hình phát hành cổ phiếu của công ty tại 31/03/2026 như sau:
The company's share issuance status as of March 31, 2026 is as follows:

	31/03/2026 March 31, 2025 Cổ phiếu Share	01/01/2026 January 1, 2026 Cổ phiếu Share
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**28,490,400**	**28,490,400**
Number of shares sold to the public		
Cổ phiếu phổ thông	28,490,400	28,490,400
Ordinary share		

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**28,490,400**	**28,490,400**
Number of shares outstanding		
Cổ phiếu phổ thông	28,490,400	28,490,400
Ordinary share		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	**10,000**	**10,000**
Par value of outstanding shares		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH/ ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMSPRESENTED ON THE INCOME STATEMENT

1. DOANH THU BÁN HÀNG / SALES REVENUE

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 From January 1, 2026 To March 31, 2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 From January 1, 2025 To March 31, 2025
Nhà máy Đakne Dakne Plant	12.087.111.369	10.659.526.260
Nhà máy Tà Vi Ta Vi Plant	3.303.686.736	4.899.816.105
Cộng/ Total	**15.390.798.105**	**15.559.342.365**

2. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ/ COST OF SERVICES RENDERED

Giá vốn bán điện **Cost of selling electricity**	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 From January 1, 2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 From January 1, 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

	To March 31, 2026	To March 31, 2025
Nhà máy Đakne Dakne Plant	4.511.877.707	4.591.903.388
Nhà máy Tà Vi Ta Vi Plant	1.776.505.009	1.865.064.354
Cộng/Total	**6.288.382.716**	**6.456.967.742**

3. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ/PRODUCTION AND BUSINESS EXPENSES BY FACTOR

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 From January 1, 2026 To March 31, 2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 From January 1, 2025 To March 31, 2025
Chi phí nhân công Labor expense	1.202.024.139	1.289.379.143
Chi phí nguyên vật liệu Expense of raw materials	-	-
Chi phí khấu hao Depreciation expense	4.308.254.487	4.236.958.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài Outsourcing service expense	289.271.473	504.535.039
Chi phí khác bằng tiền Other expense in cash	488.832.617	426.094.988
Cộng/Total	**6.288.382.716**	**6.456.967.742**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH/ FINANCIAL EXPENSES

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 From January 1, 2026 To March 31, 2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 From January 1, 2025 To March 31, 2025
Nhà máy Đakne Dakne Plant	727.262.629	1.213.915.068
Nhà máy Tà Vi Ta Vi Plant	536.286.575	735.704.109
Chi phí lãi vay trái phiếu Bond interest expense	1.418.547.945	5.815.726.028
Chi phí tài chính khác Other financial expense	0	0
Hoàn nhập chi phí dự phòng Refund of provisional expense	0	0
Cộng/ Total	**2.682.097.149**	**7.765.345.205**

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP/GENERAL & ADMINISTRATION EXPENSES

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 From January 1, 2026 To March 31, 2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 From January 1, 2025 To March 31, 2025
Chi phí nhân viên Employee expense	2.006.499.266	788.313.133
Chi phí đồ dùng văn phòng Office supplies expense	16.529.664	3.071.175
Chi phí khấu hao TSCĐ Fixed asset depreciation expense	-	-
Thuế, phí và lệ phí	4.424.509	4.105.642

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

Taxes, fees and charges		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
Outsourcing service expense		
Các khoản chi phí khác	548.394.653	276.127.532
Other expenses		
Cộng/Total	**2.575.848.092**	**1.071.617.482**

6. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP/CORPORATE INCOME TAX EXPENSES

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 From January 1, 2026 To March 31, 2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 From January 1, 2025 To March 31, 2025
Lợi nhuận kế toán trước thuế Accounting profit before tax	**3.814.298.945**	**210.941.155**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế **Adjustment for taxable income**	**0**	
Các khoản chi phí không được khấu trừ Non-deductible expenses	145.122.008	177.459.453
Thu nhập chịu thuế Taxable income	**3.959.420.953**	**239.517.532**
Thu nhập chịu Thuế suất 10% (i) Income subject to 10% Tax Rate (i)	0	
Thu nhập chịu Thuế suất 20% (ii) Income subject to 20% Tax Rate (ii)	**3.959.420.953**	0
Thuế TNDN phải nộp theo suất ưu đãi **Corporate income tax payable at**	**0**	11.752.813

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

preferential rate		
Đ/c Thuế TNDN được miễn, giảm	0	0
Đ/c Corporate income tax exemption and reduction		
Thuế TNDN phải nộp (*)	**791.884.191**	**36.150.694**
Corporate income tax payable (*)		

(i) Thuế suất 10% là cho hoạt động kinh doanh của nhà máy Thủy điện Đắk Ne: Do Công ty Cổ Phần Đầu Tư Năng Lượng Trường Thịnh (Tên cũ: Công ty Cổ Phần Thủy điện Đắk Ne) được tách ra từ Công ty Cổ Phần Tấn Phát và nhà máy thủy điện Đắk Ne được bàn giao lại cho Công ty Cổ Phần Đầu Tư Năng Lượng Trường Thịnh vận hành, theo quy định tại khoản 3, điều 20, nghị định số 218/2013/NĐ-CP 218/2013/NĐ-CP quy định về kế thừa các ưu đãi thuế thì thu nhập từ nhà máy thủy điện Đắk Ne được kế thừa toàn bộ ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại của Công ty Cổ Phần Tấn Phát cụ thể:

(i) The 10% tax rate applies to the business activities of the Dak Ne Hydropower Plant: Truong Thinh Energy Investment Joint Stock Company (formerly known as Dak Ne Hydropower Joint Stock Company) was separated from Tan Phat Joint Stock Company, and the Dak Ne Hydropower Plant was handed over to Truong Thinh Energy Investment Joint Stock Company for operation, according to Clause 3, Article 20 of Decree No. 218/2013/ND-CP on the inheritance of tax incentives, income from the Dak Ne Hydropower Plant inherits all remaining corporate income tax incentives of Tan Phat Joint Stock Company, specifically:

- Thuế suất ưu đãi 10% áp dụng trong vòng 11 năm kể từ năm 2014.

The preferential tax rate of 10% is applied for 11 years starting from 2014.

- Giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2014.

A 50% reduction in corporate income tax payable for the next 9 years starting from 2014.

(ii) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% tương ứng cho hoạt động kinh doanh của nhà máy Thủy điện Tà Vi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

(ii) The corporate income tax rate of 20% applies to the business activities of the Ta Vi Hydropower Plant.

VII. THÔNG TIN KHÁC/ OTHER INFORMATION

1. Thông tin về các bên liên quan/ Information on related parties

a) Danh sách các bên liên quan/ List of related parties

Bên liên quan:	Mối quan hệ
1. Công ty TNHH Trung Việt	Công ty Con
Ông Đinh Xuân Hoàng	*Tổng giám đốc CT Trung Việt*
2. Ông Phương Thừa Vũ	Chủ tịch HĐQT
3. Ông Đinh Xuân Hoàng	Tổng giám đốc
4. Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc

Related parties	Relationship
1. Trung Viet Company Limited	Subsidiary
Mr. Dinh Xuan Hoang	*General Director cum Chairman of Trung Viet*
2. Mr. Phuong Thua Vu	Chairman of the Board of Directors
3. Mr. Dinh Xuan Hoang	General Director
4. Mr. Hoang Huu Dien	Deputy General Director

b) Tại ngày 31/12/2025, Số dư các bên liên quan như sau:
As at December 31, 2025, the related party balances are as follows:

	Tại ngày 31/03/2026 As of March 31, 2025	Tại ngày 01/01/2026 As of January 1, 2026
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết/Investment in joint ventures and associates		
- Cty CP Điện Bình Thủy Lâm Đồng Binh Thuy Lam Dong Electricity Joint Stock Company	0	0

- Cty CP Thủy điện Huổi Vang- Thành Bưởi Huoi Vang- Thanh Buoi Hydropower Joint Stock Company	0	0
- Công ty Cổ phần Đầu tư thủy điện Đá Đen Da Den Investment Hydropower Joint Stock Company	77,400,000,000	77,400,000,000

c) Thu nhập của Thành viên HĐQT và Ban Giám đốc
d) Income of Board of Directors and Board of Management

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026 From January 1, 2026 To March 31, 2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 From January 1, 2025 To March 31, 2025
Thù lao HĐQT và thu nhập Ban Giám đốc Board of Directors' remuneration and Board of Management's income	523.787.978	343.500.000

14. Báo cáo bộ phận/ Segment report

a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh/Segment by business area

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty được tổ chức theo đơn kinh doanh dựa trên sản phẩm chính của công ty là Sản xuất, phân phối và truyền tài điện, trong kỳ Công ty chỉ phát sinh doanh thu và chi phí liên quan đến việc Sản xuất điện để bán cho Tập đoàn điện lực.

To serve management purpose, the Company is organized according to a business order based on the Company's main product, which is the production, distribution and transmission of electricity. During the period, the Company only incurs revenue and expenses related to the production of electricity for sale to Vietnam Electricity.

Bộ phận Sản xuất, phân phối và truyền tải điện: là bộ phận Sản xuất điện của nhà máy để bán cho Tập đoàn điện lực.

Electricity Production, Distribution and Transmission Segment: is the plant's electricity production department to sell electricity to Vietnam Electricity.

Kết quả kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

The business results of segments are managed separately to serve the purpose of resource allocation decisions and performance evaluation.

b. Bộ phận theo khu vực địa lý/Segment by geographical area

Thông tin về doanh thu, giá vốn, lợi nhuận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:
Information on the Company's revenue, cost price, and profit by geographical area is as follows

Đơn vị tính: 1.000 VND
Unit: 1,000 VND

Chỉ tiêu Norms	Quý I/2026 Quarter I/2026			Quý I/2025 Quarter I/2025		
	Tỉnh Quảng Ngãi Quang Ngai Province	Ngoài Quảng Ngãi Outside Quang Ngai	Tổng cộng Total	Tỉnh Quảng Ngãi Quang Ngai Province	Ngoài Quảng Ngãi Outside Quang Ngai	Tổng cộng Total
Doanh thu Revenue	12.087.111	3.303.687	15.390.798	10.659.526	4.899.816	15.559.342
Giá vốn hàng bánCost of goods sold	4.511.878	1.776.505	6.288.383	4.591.903	1.865.064	6.456.967
Lợi nhuận gộp theo bộ phận Gross profit by segment	7.575.233	1.527.182	9.102.415	6.067.623	3.034.752	9.102.375

15. Thông tin so sánh/Comparative information

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính kiểm toán kết thúc ngày 31/12/2025 và Báo cáo tài chính Quý I năm 2025 đã lập của Công ty.

Comparative figures is collected from the Company's audited financial statements ending December 31, 2025 and its prepared financial statements for the quarter I of 2025.

16. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán/Events occurring after the balance sheet date

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý I năm 2026

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 1TH QUARTER OF 2026

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the Financial Statements for the 1th quarter of 2026.

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính Quý I năm 2026.

There are no events occurring after the balance sheet date that have or may have a material effect that require adjustment or disclosure in the financial statements of quarter I of 2026.

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 04 năm 2026

Quang Ngai, date 28 month 04 year 2026

Người lập biểu Prepared by	Kế toán trưởng Chief Accountant	Người đại diện theo Pháp luật Legal Representative
Đoàn Thị Ngọc Thu Doan Thi Ngoc Thu	Trần Văn Giang	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH TỔNG GIÁM ĐỐC Đinh Xuân Hoàng